

Số: /KH-THCS

Tân Tập, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tổ chức kiểm tra đánh giá cuối kì 2, năm học 2025-2026

Thực hiện Văn bản số 862/SGDDĐT-GDPT ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh Về việc triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Văn bản số 1997/SGDDĐT-GDPT ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh về việc kiểm tra, đánh giá học sinh năm học 2025-2026 đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Trường trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2 như sau:

1. Công tác chuẩn bị

Hoàn thành chương trình học đến thời điểm kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2, ghi sổ đầu bài, vào điểm trong phần mềm quản lí.

Giáo viên từng bộ môn phải có hướng dẫn ôn tập, củng cố, hướng dẫn bổ sung nội dung kiến thức phù hợp cho học sinh trước ngày kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2.

Các tổ chuyên môn thống nhất đề cương ôn tập, xây dựng ma trận, bản đặc tả (*xác định rõ các mức độ của từng câu trong ma trận*), đề kiểm tra và hướng dẫn chấm.

2. Nội dung

a) Nội dung, kiến thức

Nội dung bài kiểm tra, đánh giá cuối kỳ 2 nằm trong nội dung ôn tập đã được thống nhất trong tổ chuyên môn; không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành; không kiểm tra, đánh giá đối với những nội dung hướng dẫn học sinh: *tự đọc, tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu, những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm*.

b) Hình thức đề kiểm tra

* **Môn Ngữ văn:** Thực hiện theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra trong các trường phổ thông. Thời gian làm bài 90 phút.

+ **Ngữ văn 6, 7, 8:** Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

- Cho một ngữ liệu ngoài các văn bản được học trong nhà trường và trích rõ nguồn (có thể là một đoạn trích khác trong tác phẩm được đưa vào giảng dạy trong nhà trường hoặc một tác phẩm khác của tác giả được đưa vào giảng dạy trong nhà trường hay một tác giả, tác phẩm bên ngoài nhà trường). Ngữ liệu thuộc các thể loại trong chương trình.

- Từ ngữ liệu trên:

- Câu hỏi trắc nghiệm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 (4,0 điểm): đặt câu hỏi theo yêu cầu cần đạt theo thể loại.

- Câu hỏi tự luận 9, 10 (2,0 điểm): đặt câu hỏi theo yêu cầu cần đạt theo thể loại.

Phần II. Viết (4,0 điểm) Viết bài văn theo thể loại trong chương trình.

+ **Ngữ văn 9:** Hình thức tự luận.

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Cho một ngữ liệu ngoài các văn bản được học trong nhà trường và trích rõ nguồn (có thể là một đoạn trích khác trong tác phẩm được đưa vào giảng dạy trong nhà trường hoặc một tác phẩm khác của tác giả được đưa vào giảng dạy trong nhà trường hay một tác giả, tác phẩm bên ngoài nhà trường). Ngữ liệu thuộc các thể loại: thơ, truyện, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

Từ ngữ liệu trên:

- Câu hỏi 1, 2, 3 (3,0 điểm): đặt câu hỏi theo yêu cầu cần đạt theo thể loại.

- Câu 4 (1,0 điểm): thực hành Tiếng Việt toàn cấp học (lớp 6, 7, 8, 9).

Phần II. Viết (6,0 điểm)

- Câu hỏi 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) liên quan đến nội dung của ngữ liệu ở phần đọc hiểu.

- Câu hỏi 2 (4,0 điểm): Đề ra một trong hai kiểu bài sau:

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (cho một tác phẩm hoặc đoạn trích cụ thể ngoài sách giáo khoa).

* **Môn Toán:** Thời gian làm bài 90 phút

Toán 9: Kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận; theo tỉ lệ 20% trắc nghiệm khách quan, 80% tự luận; vận dụng cấu trúc định dạng đề thi tuyển sinh 10 điều chỉnh về nội dung, mức độ phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Phần Trắc nghiệm: 2,0 điểm (mức độ biết) gồm 8 câu trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn.

Phần Tự luận: 8,0 điểm (mức độ biết 1,0 điểm, mức độ hiểu 4,0 điểm, mức độ vận dụng 3,0 điểm).

Toán 6, 7, 8:

Phần Trắc nghiệm: 7,0 điểm (mức độ biết 4,0 điểm, mức độ hiểu 3,0 điểm) trong đó:

Phần I. Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn (3,0 điểm): 12 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Phần II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai (2,0 điểm): 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý, mỗi ý 0,25 điểm.

Phần III. Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn (2,0 điểm): 8 câu mỗi câu 0,25 điểm.

Phần Tự luận: 3,0 điểm, 3 câu (mức độ vận dụng).

* **Môn Tiếng Anh:** Phải kiểm tra đủ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ.

Hình thức: trắc nghiệm kết hợp tự luận (10,0 điểm).

* **Môn Lịch sử và Địa lý**

Thời gian làm bài: 90 phút;

Hình thức: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận; điểm được phân bố cụ thể như sau: phần trắc nghiệm gồm có mức độ biết (40%) và mức độ hiểu (30%); phần tự luận gồm mức độ vận dụng (30%). Chia ra:

Phân môn Lịch sử

Thời gian làm bài: 45 phút.

Đối với nội dung **Lịch sử:** trong đề kiểm tra cần tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở nhằm tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất, năng lực của học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày, tháng, địa điểm, số liệu một cách máy móc.

Phần Trắc nghiệm (3,5 điểm) gồm câu hỏi các dạng sau:

Phần I. (1,5 điểm) Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn, gồm 6 câu (mức độ: biết 4 câu, hiểu 2 câu).

Phần II. (2,0 điểm) Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai, gồm 2 câu (mỗi câu 4 phương án A, B, C, D; trong đó mức độ biết 1 câu, mức độ hiểu 1 câu).

Phần Tự luận (1,5 điểm), gồm 2 câu (1 câu vận dụng, 1 câu vận dụng cao).

Phân môn Địa lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần Trắc nghiệm (3,5 điểm) gồm câu hỏi các dạng sau:

Phần I. (1,5 điểm) Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn, gồm 6 câu (mức độ: biết).

Phần II. (1,0 điểm) Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai, gồm 1 câu ở mức độ hiểu (có 4 phương án A, B, C, D).

Phần III. (1,0 điểm) Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, gồm 2 câu (mức độ biết 1 câu, mức độ hiểu 1 câu).

Phần Tự luận (1,5 điểm), gồm 2 câu (1 câu vận dụng, 1 câu vận dụng cao).

***Môn Giáo dục công dân**

Hình thức: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận; điểm được phân bố cụ thể như sau: phần trắc nghiệm gồm có mức độ biết (40%) và mức độ hiểu (30%); phần tự luận mức độ vận dụng (30%).

Thời gian làm bài: 45 phút;

Phần Trắc nghiệm (7,0 điểm) gồm câu hỏi các dạng sau:

Phần I. (3,0 điểm) Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn, gồm 6 câu (mức độ biết 4 câu, mức độ hiểu 2 câu).

Phần II. (4,0 điểm) Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai, gồm 2 câu (mỗi câu 4 phương án A, B, C, D trong đó mức độ biết 1 câu, mức độ hiểu 1 câu).

Phần Tự luận (3,0 điểm), gồm 2 câu (1 câu vận dụng, 1 câu vận dụng cao).

***Môn Khoa học tự nhiên:** Thời gian làm bài: 90 phút

Hình thức: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận; điểm được phân bố cụ thể như sau: phần trắc nghiệm gồm có mức độ biết (40%) và mức độ hiểu (30%); phần tự luận gồm mức độ vận dụng (30%).

Phần Trắc nghiệm: 7,0 điểm (40% mức độ biết, 30% mức độ hiểu), chia làm 3 phần:

Phần I. Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn (3,0 điểm), gồm 12 câu, mỗi câu có 4 phương án để lựa chọn (A, B, C, D). Mỗi câu 0,25 điểm.

Phần II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai (2,0 điểm), gồm 2 câu, mỗi câu có 4 ý (A, B, C, D), mỗi ý học sinh phải chọn Đúng hoặc Sai; mỗi câu 1,0 điểm, mỗi ý 0,25 điểm.

Phần III. Trắc nghiệm dạng Trả lời ngắn (2,0 điểm), gồm 8 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Phần Tự luận: 3,0 điểm (mức độ Vận dụng), gồm 3 câu.

*** Môn Tin học:** Thời gian làm bài 45 phút

Hình thức: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận; điểm được phân bố cụ thể như sau: phần trắc nghiệm gồm có mức độ biết (40%) và mức độ hiểu (30%); phần tự luận gồm mức độ vận dụng (30%).

Phần Trắc nghiệm: 7,0 điểm (mức độ biết 4,0 điểm, mức độ hiểu 3,0 điểm) trong đó:

Phần I. Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn (3,0 điểm): 6 câu, mỗi câu 0,5 điểm.

Phần II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai (2,0 điểm): 1 câu gồm 4 ý mỗi ý 0,5 điểm.

Phần III. Trắc nghiệm dạng Trả lời ngắn (2,0 điểm): 4 câu mỗi câu 0,5 điểm.

Phần Tự luận: 3,0 điểm, 2 câu (mức độ vận dụng).

*** Môn Công nghệ:** Thời gian làm bài: 45 phút

Hình thức: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận; điểm được phân bố cụ thể như sau: phần trắc nghiệm gồm có mức độ biết (40%) và mức độ hiểu (30%); phần tự luận gồm mức độ vận dụng (30%).

Phần Trắc nghiệm: 7,0 điểm (40% mức độ biết, 30% mức độ hiểu), chia làm 3 phần:

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm), gồm 6 câu, mỗi câu có 4 phương án để lựa chọn (A, B, C, D), mỗi câu 0,5 điểm.

Phần II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai (2,0 điểm), gồm 1 câu, mỗi câu có 4 ý (A, B, C, D), mỗi ý học sinh phải chọn Đúng hoặc Sai. Mỗi ý 0,5 điểm.

Phần III. Trắc nghiệm dạng Trả lời ngắn (2,0 điểm), gồm 4 câu, mỗi câu 0,5 điểm.

Phần Tự luận: 3,0 điểm (mức độ Vận dụng), gồm 2 câu.

***Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:** Phân tích “Sản phẩm” của học sinh. Thời gian làm bài 60 phút.

***Môn Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục địa phương:** kiểm tra, đánh giá theo cấu trúc chung của bộ môn.

c) Thời gian làm bài kiểm tra:

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

3. Tổ chức thực hiện

Các tổ chuyên môn họp thống nhất đề cương, xây dựng ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm đề kiểm tra cuối kỳ 2.

Giáo viên bộ môn tiến hành soạn đề cương ôn tập, thống nhất nội dung và soạn ma trận, đặc tả, đề và hướng dẫn chấm đề kiểm tra cuối kỳ 2 (*theo mẫu*).

*) Thời gian kiểm tra:

Khối 9: từ ngày 11/5/2026 đến ngày 16/5/2026.

Các môn Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh (*phần nghe, nói*), Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp kiểm tra trước theo thời khóa biểu từ ngày 04/5/2026 đến ngày 09/5/2026.

Lịch kiểm tra và phân công coi kiểm tra khối 9: (*kèm theo*).

Khối 6, 7, 8: từ ngày 18/5/2026 đến ngày 23/5/2026.

Các môn Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh (*phần nghe, nói*), Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp kiểm tra trước theo thời khóa biểu từ ngày 11/5/2026 đến ngày 16/5/2026.

Lịch kiểm tra và phân công coi kiểm tra khối 6, 7, 8: (*kèm theo*).

*) Phân công xây dựng đề cương ôn tập, ma trận, đặc tả, đề, hướng dẫn chấm đề kiểm tra đánh giá cuối kì 2:

1) Tổ Toán-Tin học-Giáo dục thể chất (GDTC): Cô Đặng Thị Kim Ngân làm tổ trưởng; xây dựng Bảng kiến thức ôn tập thống nhất trong toàn khối và ra đề các môn: Toán 6, 7, 8, 9; Tin học 6, 7, 8, 9; Giáo dục thể chất 6, 7, 8, 9.

2) Tổ Khoa học xã hội-Ngữ văn-Giáo dục công dân-Nghệ thuật: Thầy Nguyễn Trung Khang làm tổ trưởng; xây dựng Bảng kiến thức ôn tập thống nhất trong toàn khối và ra đề các môn: Ngữ văn 6, 7, 8, 9; Lịch sử và Địa lí 6, 7, 8, 9; Giáo dục công dân 6, 7, 8, 9; Giáo dục địa phương 6, 7, 8, 9; Nghệ thuật 6, 7, 8, 9.

3) Tổ Khoa học tự nhiên-Tiếng Anh-Công nghệ: Cô Nguyễn Thanh Thúy làm tổ trưởng; xây dựng Bảng kiến thức ôn tập thống nhất trong toàn khối và ra đề thi các môn: Khoa học tự nhiên 6, 7, 8, 9; Tiếng Anh 6, 7, 8, 9; Công nghệ 6, 7, 8, 9; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6, 7, 8, 9.

- Tổ trưởng chuyên môn họp tổ, thống nhất chương trình nội dung ôn tập, quy trình ra ma trận, đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm chi tiết.

- Tổ trưởng chuyên môn duyệt và nộp đề cương, ma trận, đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm về Phó Hiệu trưởng ngày **28/4/2026** (1 bản).

Chú ý: Tổ trưởng tổ chuyên môn phân công giáo viên soát lại điểm của Giám khảo thứ 1.

*) Công việc hoàn thành sau kiểm tra đánh giá cuối kì 2:

- Giáo viên bộ môn chấm bài vào điểm trên phần mềm qlgd.longan.edu.vn (Khối 9 trước 9 giờ ngày 16/5/2026-thứ Bảy; Khối 6, 7, 8 trước 9 giờ ngày 22/5/2026-thứ Sáu).

Giáo viên chủ nhiệm hoàn thành kiểm diện, tổng kết điểm, nhập kết quả xếp loại rèn luyện của học sinh trên phần mềm qlgd.longan.edu.vn (Khối 9 trước 10 giờ ngày 16/5/2026-thứ Bảy; Khối 6, 7, 8 trước 10 giờ ngày 22/5/2026-thứ Sáu).

- Họp giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm (Khối 9 lúc 13 giờ 30 phút ngày 16/5/2026-thứ Bảy); Khối 6, 7, 8 lúc 13 giờ 30 phút ngày 22/5/2026-thứ Sáu); xét kết quả rèn luyện, in sổ theo dõi và đánh giá học sinh, kiểm tra quy chế cho điểm, đánh giá xếp loại.

- Từ ngày 18/5/2026 đến ngày 23/5/2026 hoàn thành chương trình môn học khối 6, 7, 8, 9.

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn vào học bạ học sinh khối 9 lúc 13 giờ 30 phút ngày 18/5/2026 (thứ Hai);

- Nhập điểm vào phần mềm csdl.moet.gov.vn trước ngày 25/5/2026 (*theo phân công*).

- Tổ trưởng chuyên môn nộp bài kiểm tra đánh giá cuối kỳ về Phó Hiệu trưởng vào ngày 25/5/2026.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2, năm học 2025-2026 của Trường trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông./.

Nơi nhận:

- HT, PHT;
- TTCM, GV, HS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Ngọc Hiếu

LỊCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ 2 NĂM HỌC 2025 – 2026**Khối 9**

Ngày	Buổi	Khối	Môn	Thời gian	Giám thị - Lãnh đạo – Thư kí
Thứ Hai (11/5/2026)	Sáng	9	Ngữ văn KHTN	90' 90'	Giám thị: Hà, Xuân, Quyên, Hằng Thư kí: N.Thúy CTHD: Hiếu, Mươi.
Thứ Ba (12/5/2026)	Sáng	9	Tiếng Anh GDCD	45' 45'	Giám thị: Hằng, Trâm, Thiện, V.Thúy Thư kí: Ngân CTHD: Hiếu, Mươi.
Thứ Tư (13/5/2026)	Sáng	9	Toán LS&ĐL	90' 90'	Giám thị: Hà, Khang, Thảo, Tuấn Thư kí: Ngân CTHD: Hiếu, Mươi

LỊCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ 2 NĂM HỌC 2025 – 2026**Khối 6, 7, 8**

Ngày	Buổi	Khối	Môn	Thời gian	Giám thị - Lãnh đạo – Thư kí
Thứ Hai (18/5/2026)	Sáng	6	Ngữ văn LS&ĐL	90' 90'	Giám thị: Tuyết, Xuân, Hà, Khang, Hoa, Quyên, Sang, V.Thúy, Trâm, Vinh./. Thư kí: Ngân CTHD: Hiếu, Mươi.
		7	Ngữ văn KHTN	90' 90'	
		8	Toán LS&ĐL	90' 90'	
Thứ Ba (19/5/2026)	Sáng	6	Tiếng Anh GDCD	45' 45'	Giám thị: Long, Tuấn, Hương, Sang, Thảo, Thiện, V.Thúy, Trâm, Hằng, Vinh./. Thư kí: N.Thúy CTHD: Hiếu, Mươi.
		7	Tiếng Anh GDCD	45' 45'	
		8	Tiếng Anh GDCD	45' 45'	
Thứ Tư (20/5/2026)	Sáng	6	Toán KHTN	90' 90'	Giám thị: Xuân, Tuyết, Khang, Hoa, Long, Tuấn, Hương, Quyên, Thảo, Vinh ./. Thư kí: N.Thúy. CTHD: Hiếu, Mươi.
		7	Toán LS&ĐL	90' 90'	
		8	Ngữ văn KHTN	90' 90'	

* **Ghi chú:** Giám thị coi thi không tự ý hoán đổi khi chưa có sự đồng ý của lãnh đạo HĐ.

- Buổi sáng học sinh tập trung lúc 6 giờ 55 phút.

- Thầy Hòa phụ trách theo dõi tình hình học sinh làm vệ sinh.